

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Bùi Kim Châu Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L - Sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn NG, xã TG, huyện TS, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Anh Lê Đức V - Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn NG, xã TG, huyện TS, tỉnh Bình Định

Chị L có mặt tại phiên tòa, anh V vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án , tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh Lê Đức V quen biết tự nguyện tìm hiểu nhau, không ai mai mối và đăng ký kết hôn tại UBND xã TG, huyện TS vào ngày 03/6/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, làm ăn bình thường cùng làm công nhân, đến tháng

7/2021 anh V lên tỉnh GL làm ăn có quan hệ với người phụ nữ khác nên không quan tâm gì đến vợ con, bỏ bê gia đình. Từ thời điểm anh V có người phụ nữ khác vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể kéo dài, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Đức T, (giới tính: Nam) – sinh ngày 10/11/2015, con khi nay do chị L nuôi dưỡng, hiện cháu đang học lớp 1 trường tiểu học số 1 BT, TS. Ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lê Đức V vắng mặt không có lý do:

Về các thủ tục về giải quyết ly hôn đã được Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc về việc chị L xin ly hôn, nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản hoặc quan điểm gửi Tòa án, vì vậy Tòa án không biết quan điểm anh V về những nội dung chị L yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Lê Đức V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh V. Về nội dung: Áp dụng Điều 8, 9, 56 và 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L, cho chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Lê Đức V. Về con chung: Giao cháu Lê Đức T (giới tính: Nam) – sinh ngày 10/11/2015 cho chị L nuôi dưỡng vì cháu T khi nay chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị L không yêu cầu. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Lê Đức V là bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do, căn cứ quy định tại các điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì Hội đồng vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Lê Đức V kết hôn vào ngày 03/6/2015 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TG, huyện TS, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như chị L trình bày tháng 7/2021 anh V lên tỉnh GL làm ăn có quan hệ với người phụ nữ khác nên không quan

tâm gì đến vợ con, anh V cũng không liên lạc với gia đình nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị L xác định không còn tình cảm với anh V nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Đức V.

Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tại biên bản xác minh ngày 01/8/2022 của Công an xã TG, hiện anh V có hộ khẩu thường trú tại thôn NG, xã TG, huyện TS, tỉnh Bình Định đang sinh sống tại địa phương, nguyên nhân tình trạng hôn nhân, con chung của chị L và anh V địa phương không nắm được vì chị L và anh V đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về địa phương. Việc anh V không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gửi đến Tòa án chứng tỏ anh V không có trách nhiệm với hôn nhân của chính mình. Tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn anh V.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Đức T, (giới tính: Nam), sinh ngày 10/11/2015, con khi nay do chị L nuôi dưỡng, hiện cháu đang học lớp 1 trường tiểu học số 1 BT. Ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu khi nay do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không quan tâm đến con, không có trách nhiệm gì với con. Vì vậy giao con chung Lê Đức T cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, chị L nhận trách nhiệm nuôi con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị L nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007313 ngày 17/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn (đã nộp xong).

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn anh Lê Đức V.
3. Về con chung: Giao cháu Lê Đức T, (giới tính: Nam), sinh ngày 10/11/2015 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Đức V không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị L không yêu cầu.

Anh V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu, nên không xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007313 ngày 17/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã Tây Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Thị Minh Trí

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA